

UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT TH HUỖI LÈNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/KH-THHL

Huổi Lèng, ngày 15 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06 giai đoạn 2022 – 2030

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Kế hoạch số 585/KH-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Chương trình hành động số 3411/CTr-UBND ngày 01/8/2024 về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Tiếp theo Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về triển khai thực hiện Quyết định phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Kế hoạch số 24/KH-PGDĐT ngày 08/01/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà về cải cách hành chính Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06 giai đoạn 2022 – 2030;

Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06 giai đoạn 2022-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Về Cải cách hành chính Nhà nước

- Đẩy mạnh CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng giải trình, đảm bảo

liên thông, đồng bộ, thống nhất và hội nhập quốc tế nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã; đội ngũ cán bộ, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, lấy sự hài lòng của người dân là mục tiêu phục vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Tích cực tham mưu, đề xuất, đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức ngành giáo dục và đào tạo chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của ngành, của xã, trong đó tập trung đổi mới công tác quản lý cán bộ, viên chức, người lao động gắn với thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách ưu đãi, hỗ trợ đội ngũ viên chức ngành giáo dục và đào tạo; tham gia có hiệu quả trong quá trình xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Về Chuyển đổi số và Đề án 06

- Triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu tổng quát của Đề án chuyển đổi số của xã, Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số bao gồm: “Chính phủ số”, “Xã hội số” và “Công dân số” để cán bộ giáo viên nhà trường ý thức được trách nhiệm và quyền lợi của cá nhân, tổ chức khi thực hiện chuyển đổi số một cách toàn diện.

c) Về Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp xã

- Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách hành chính, nâng cao chất lượng GD&ĐT gắn với nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp xã được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện phê duyệt, ban hành tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 29/7/2021 và Chương trình hành động số 2660/CTr-UBND; cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp về GD&ĐT để tổ chức thực hiện đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp xã.

- Tiếp tục nâng cao kỷ luật kỷ cương hành chính, nêu cao tinh thần, thái độ thực thi công vụ; không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành, đẩy mạnh chuyển đổi số trong GD&ĐT; xây dựng môi trường hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hiệu quả, thân thiện và bình đẳng để hỗ trợ người dân trong thực hiện các Chương trình, dự án về GD&ĐT góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của xã.

d) Về Nâng cao năng lực cạnh tranh của nhà trường

- Nâng cao chất lượng quản lý, điều hành, tạo ra động lực cải cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết TTHC liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để các nhà đầu tư, người dân tham gia đóng góp ý kiến nâng cao năng lực cạnh tranh của nhà trường.

- Kết quả DDCI là cơ sở để xem xét, so sánh chất lượng quản lý, điều hành của nhà trường so với các cơ quan, ban ngành khác trên địa bàn xã; là căn cứ để tham mưu giải pháp nâng cao Chỉ số PCI lĩnh vực giáo dục và đào tạo những năm tiếp theo, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế tồn tại; tạo sự lan tỏa truyền thông mạnh mẽ về DDCI nhà trường như là điểm nhấn quan trọng trong nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo tinh thần Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

2. Yêu cầu

a) Về Cải cách hành chính Nhà nước

- Trường PTDTBT TH Huồi Lèng nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên.

- Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong CCHC giai đoạn trước, đồng thời chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý của ngành.

- Quán triệt phương châm 5 dễ “*dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, dễ đánh giá, dễ kiểm tra, giám sát*” trong triển khai tổ chức thực hiện các đề án, chuyên đề, kế hoạch liên quan đến công tác CCHC.

b) Về Chuyển đổi số và Đề án 06

- Xác định trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức, cá nhân toàn ngành, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện chuyển đổi số và Đề án 06 nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt, xuyên suốt từ cán bộ quản lý đến giáo viên và nhân viên.

- Việc thực hiện chuyển đổi số và Đề án 06 phải đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, bám sát mục tiêu nhiệm vụ xã giao và nhu cầu thực tế tại cơ sở, mang lại hiệu quả thiết thực và phải đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, đúng theo quy định của pháp luật.

c) Về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp xã

- Căn cứ các tiêu chí, chỉ số thành phần PCI lĩnh vực Giáo dục được giao theo quyết định của UBND tỉnh, của huyện để phân tích những tồn tại, hạn chế, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tập trung giải quyết nhanh, khắc phục triệt để những hạn chế, yếu kém trong thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo và chỉ số cạnh tranh PCI về Giáo dục và Đào tạo.

- Tập trung cải cách, đổi mới công tác quản lý, nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu; chủ động, sáng tạo tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo nói chung và nâng cao chỉ số cạnh tranh PCI về Giáo dục và Đào tạo đạt mục tiêu đã đề ra.

d) Về Nâng cao năng lực cạnh tranh của nhà trường

- Quán triệt về tư tưởng, nhận thức để tạo sự chuyển biến mạnh trong đội ngũ viên chức, người lao động về thái độ, trách nhiệm, tác phong thực hiện công vụ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xác định rõ trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các tổ chuyên môn, các cá nhân trong việc tham mưu cải thiện chỉ số DDCI của nhà trường. Kịp thời đưa ra những giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và các lĩnh vực trong ngành để góp phần cải thiện và tăng điểm số các chỉ số thành phần.

- Lãnh đạo nhà trường, phụ trách các bộ phận, các cá nhân nêu cao tinh thần trách nhiệm và tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc, giám sát, xử lý kịp thời các phát sinh trong thực hiện cải thiện các chỉ số thành phần của bộ tiêu chí đánh giá DDCI.

II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Cải cách hành chính Nhà nước

1.1. Cải cách thể chế

1.1.1. Mục tiêu

a) Đến năm 2025

- Tham gia tích cực trong quá trình hoàn thiện thể chế pháp luật của xã; cơ bản hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính Nhà nước, trọng tâm là thể chế về cơ cấu, tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật trong ngành GD&ĐT huyện. Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, khả năng khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay trong tổ chức thi hành pháp luật, tạo tiền đề cho sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động tổ chức thi hành

pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi hành pháp luật.

b) Đến năm 2030

- Tích cực tham gia hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ, sử dụng và tham mưu sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đúng lộ trình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Tiếp tục tham gia sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa các quy định hiện hành về tổ chức thi hành pháp luật; thực hiện nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật.

- Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh trong ngành GD&ĐT. Từ đó, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của viên chức, người lao động toàn trường.

1.1.2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ đầy đủ, đồng bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Tham mưu ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của nhà trường phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương;

- Tham mưu kiện toàn cơ cấu tổ chức của nhà trường phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương.

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật

- Tiếp tục tham mưu đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo hướng chặt chẽ, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, áp dụng kỹ thuật lập pháp tiên bộ trong soạn thảo; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các cơ quan liên quan và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, bảo đảm tính công khai, minh bạch, ổn định và dự đoán được của pháp luật.

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung, thay thế các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với thực tiễn.

c) Tham gia xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Hoàn thiện thể chế, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tham gia hoàn thiện thể chế về thu hút đầu tư, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thể chế về phân phối kết quả làm ra để giải phóng sức sản xuất, tạo động lực và nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển.

- Sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực này. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

d) Ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hằng năm.

e) Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

1.1.3. Giải pháp thực hiện

a) Tăng cường công tác quán triệt, thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nội dung cải cách thể chế tới viên chức và người lao động trong nhà trường.

b) Tham gia hoàn thiện quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL khi được phân công.

c) Phối hợp xây dựng, hoàn thiện và tổ chức áp dụng thí điểm khung theo dõi thi hành pháp luật và hệ thống thu thập dữ liệu phục vụ công tác theo dõi thi hành pháp luật; xác lập quy trình tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật một cách thông nhất, có hệ thống rõ ràng, minh bạch; phối hợp trong xây dựng, vận hành phần mềm đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

d) Thường xuyên rà soát, kiểm tra, tự kiểm tra các văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật, nhất là ở các lĩnh vực: tổ chức bộ máy; cán bộ, viên chức; quy hoạch, xây dựng; tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản; xã hội hóa và quản lý cung ứng dịch vụ công... để kịp thời phát hiện và đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung, thay thế các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật.

1.2. Cải cách thủ tục hành chính

1.2.1. Mục tiêu

a) Đến năm 2025

- Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa phòng GD&ĐT với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng GDĐT mỗi năm tăng tối thiểu 20% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Mức độ hài lòng người dân về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%.

- 90% TTHC nội bộ được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

- 80% tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó.

- 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến. Trong số đó, ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Đảm bảo đến hết năm 2025 đạt tối thiểu 70% hồ sơ TTHC được xử lý toàn trình.

- Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

b) Đến năm 2030

- Mức độ hài lòng của người dân về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%.

- 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến. Đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Đảm bảo đến hết năm 2030 đạt tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý toàn trình.

- 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

1.2.2. Nhiệm vụ

a) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến tổ chức, cá nhân bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện. Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kiến nghị loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp.

b) Triển khai thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát người dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây

những nhiều, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân theo chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương.

c) Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước. Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng DVC quốc gia. Tham gia phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC của huyện, của xã trên cơ sở hợp nhất Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của huyện, của xã để đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ DVC trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

d) Ứng dụng hiệu quả các nền tảng dùng chung quốc gia, kết nối với các hệ thống thông tin để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan Nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

1.2.3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách TTHC; phân công lãnh đạo, công chức, viên chức cơ quan phụ trách, phối hợp trong triển khai nội dung cải cách TTHC để đảm bảo kế hoạch được triển khai đồng bộ, thống nhất theo mục tiêu đề ra; đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân trong việc tìm hiểu, nắm vững các quy định về TTHC, thông qua đó thực hiện quyền giám sát của mình đối với việc giải quyết TTHC của nhà trường; bảo đảm minh bạch, công bằng, kịp thời, chính xác; tăng cường ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC.

1.3. Cải cách bộ máy hành chính Nhà nước

1.3.1. Mục tiêu

a) Đến năm 2025

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ công tác giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp quy mô trường lớp, học sinh, phấn đấu giảm tối thiểu số lớp ít học sinh, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước so với năm 2021 theo mục tiêu Nghị quyết 19-NQ/TW và theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ giáo dục công đạt tối thiểu 85%.

b) Đến năm 2030

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp quy mô trường lớp, học sinh, phấn đấu giảm tối thiểu số lớp ít học sinh, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân

sách Nhà nước so với năm 2025 theo mục tiêu Nghị quyết 19-NQ/TW và theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ giáo dục công đạt tối thiểu 90%.

1.3.2. Nhiệm vụ

a) Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp bộ máy tổ chức của nhà trường, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một đơn vị có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

b) Tham gia ý kiến vào Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng GD&ĐT, các cơ quan, ban ngành trên địa bàn xã; tích cực tham gia xây dựng Đề án thực hiện thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho người dân, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; tham gia rà soát, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa các cấp ở địa phương.

c) Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp. Rà soát, sắp xếp, tham mưu tổ chức lại đơn vị; sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng cấp phó của nhà trường phù hợp với Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

1.3.3. Giải pháp thực hiện

a) Tiếp tục quán triệt, thông tin, tuyên truyền tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động trong việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

b) Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy; sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong, số lượng cấp phó của nhà trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường.

c) Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

d) Tiếp tục xây dựng Đề án tinh giản biên chế trong nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2030, đảm bảo hoàn thành mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường đã đề ra.

1.4. Cải cách chế độ công vụ

1.4.1. Mục tiêu

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ

nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong nhà trường.

a) Đến năm 2025

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ phó hiệu trưởng và tương đương trở lên 100% có trình độ đại học (trong đó 40% trở lên có trình độ trên đại học); 100% được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh và vị trí quy hoạch.

b) Đến năm 2030

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý.

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ phó hiệu trưởng và tương đương trở lên đảm bảo tiêu chuẩn chức danh và có từ 50% trình độ trên đại học.

1.4.2. Nhiệm vụ

a) Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

b) Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng tuyển dụng viên chức phù hợp với cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và vị trí việc làm; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng viên chức.

d) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

đ) Nâng cao trách nhiệm trong việc xây dựng, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng với thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức tương ứng với từng giai đoạn.

1.4.3. Giải pháp thực hiện

a) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

b) Tham mưu các giải pháp nhằm tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, viên chức bằng chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, viên chức dựa trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC.

1.5. Cải cách tài chính công

1.5.1. Mục tiêu

a) Tích cực tham gia hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách đảm bảo tính chủ đạo của ngân sách sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

b) Nhà trường quản lý hành chính thực hiện đúng quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP.

c) Nhà trường thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm; tự bảo đảm chi thường xuyên và tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

1.5.2. Nhiệm vụ

a) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí theo quy định tại Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Xây dựng và thực hiện công khai, minh bạch quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công; Đảm bảo các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước được thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao.

b) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường, tăng nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ giáo dục công lập theo cơ chế thị trường. Từ đó, từng bước chuyển đổi, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, tự đảm bảo chi thường xuyên, tự đảm bảo cả chi đầu tư và chi thường xuyên.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ giáo dục công theo cơ chế thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục đảm bảo sự hài lòng của người dân phù hợp với quy định của pháp luật.

1.5.3. Giải pháp thực hiện

a) Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính; Thực hiện phân bổ ngân sách Nhà nước tập trung, sử dụng hiệu quả theo nguyên tắc dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ; phân bổ dự toán chi hoạt động nhà trường trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện giảm chi hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước gắn với mức giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách và giảm chi hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đối với khi có nguồn thu phù hợp lộ trình tính giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản).

b) Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện đầy đủ các quy định về công khai ngân sách nhà nước. Thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 về công khai ngân sách Nhà nước, đa dạng hóa các hình thức công khai ngân sách Nhà nước; Hướng dẫn, đôn đốc và giám sát việc thực hiện công khai ngân sách Nhà nước của các đơn vị; chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị dự toán có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán Nhà nước và báo cáo theo quy định.

c) Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

1.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

1.6.1. Mục tiêu

a) Đến năm 2025

- Tham gia vận hành, khai thác hệ thống thông tin của nhà trường đã được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia.

- Tham gia Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến UBND xã, UBND huyện.

- Hồ sơ công việc của nhà trường được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

- 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của phòng GD&ĐT; nhà trường có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Đến năm 2030

- Hồ sơ công việc của nhà trường được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

- 70% hoạt động giám sát, kiểm tra của phòng GD&ĐT; nhà trường có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

1.6.2. Nhiệm vụ

a) Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Tham gia Kiến trúc Chính quyền số huyện Mường Chà giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 phù hợp với Kiến trúc Chính phủ số quốc gia.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách và ban hành các hướng dẫn để xây dựng và phát triển chính quyền số.

b) Phát triển hạ tầng số

- Mở rộng, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của nhà trường. Phát triển hạ tầng kết nối phục vụ xây dựng chính quyền số trên cơ sở kết hợp giữa mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet công cộng và các trung tâm dữ liệu.

- Tham gia triển khai Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) để quản lý, vận hành, giám sát hệ thống các đô thị thông minh của xã, của huyện.

c) Phát triển nền tảng số

- Tham gia hoàn thiện nền tảng tích hợp và chia sẻ cấp xã, cấp huyện kết nối đồng bộ toàn tỉnh, liên thông nền tảng tích hợp và chia sẻ quốc gia (NGSP) bảo đảm đồng bộ các hệ thống dữ liệu của quốc gia, của xã, của huyện và các ban ngành.

- Đảm bảo các yêu cầu, tiêu chuẩn kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ chính phủ số quốc gia theo quy định.

d) Phát triển dữ liệu

- Từng bước xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với phòng GD&ĐT giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với phòng GD&ĐT hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin.

- Tham gia xây dựng, hoàn thiện, cập nhật các cơ sở dữ liệu dùng chung của xã, của huyện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo thống nhất, liên thông, tích hợp và mở theo quy định.

đ) Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Tham gia phát triển Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thông kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời.

- Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả QLNN, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin theo nhu cầu.

e) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, học sinh

Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của nhà trường.

f) Xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Tham gia, triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng dịch vụ đô thị thông minh tại địa bàn xã.

1.6.3. Giải pháp thực hiện

a) Thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của nhà trường trên cơ sở kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử nhà trường để chỉ đạo triển khai hoạt động chuyển đổi số nói chung và Chính quyền số nói riêng; tham gia nghiên cứu bổ sung thêm các chức năng, nhiệm vụ về nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chủ trương, chính sách, kế hoạch thúc đẩy xây dựng, phát triển cho chuyển đổi số, trong đó có việc tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của xã, của huyện đạt hiệu quả.

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, hình thành văn hóa số, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính quyền số: ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa nhà trường và người dân để quảng bá thông tin, tăng cường sự tham gia của người dân trong các hoạt động quản lý của nhà trường; giao dịch điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

c) Tiếp tục cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp (Công dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử của xã, của huyện, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích,...)

d) Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền số hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới.

2. Về Chuyển đổi số và Đề án 06

2.1. Mục tiêu

a) Đến năm 2025

- Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật về công nghệ thông tin đảm bảo đủ, hoạt động ổn định, hiệu quả lâu dài, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong công tác quản lý, và các hoạt động chuyên môn; 100% các điểm bản của nhà trường được kết nối Internet cấp quang tốc độ cao.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu nhà trường được đồng bộ và kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đào tạo và hệ thống dữ liệu chung của huyện. 100% dữ liệu của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh được làm sạch và xác thực thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hệ thống phần mềm được trang bị đầy đủ, tiện dụng, đáp ứng được nhu cầu sử dụng thực tế tại các cơ quan, đơn vị, trường học góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Nguồn nhân lực về CNTT được đảm bảo và duy trì ổn định tại nhà trường đáp ứng được yêu cầu phụ trách theo dõi, vận hành và triển khai các hệ thống thông tin. Đảm bảo các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu.

b) Đến năm 2030

- Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật về CNTT đảm bảo đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sử dụng một cách đồng bộ từ quản lý đến dạy học và kiểm tra đánh giá. Mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh được triển khai hiệu quả tại nhà trường đáp ứng được yêu cầu.

- Hệ sinh thái giáo dục được hoàn thiện với hạt nhân là cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối liên thông với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và của xã, của huyện. Các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá được đồng bộ thống nhất và mạng lại hiệu quả cao.

- Nguồn nhân lực về CNTT được đảm bảo và duy trì ổn định tại nhà trường; cán bộ phụ trách CNTT thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao về kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ CNTT đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao.

- Các hệ thống thông tin, dữ liệu của ngành được đảm bảo toàn diện về an toàn, an ninh thông tin theo mô hình an toàn thông tin các cấp độ theo quy định.

2.2. Nhiệm vụ

- Thường xuyên rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch bổ sung, nâng cấp trang thiết bị CNTT đảm bảo đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học. Các thiết bị được đầu tư, nâng cấp đúng mục đích, đáp ứng được yêu cầu sử dụng lâu dài, các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin và có khả năng đồng bộ, tương thích cao.

- Tiếp tục rà soát để xây dựng kế hoạch tuyển dụng một cách hợp lý cán bộ, viên chức có trình độ về CNTT, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Triển khai phổ cập các nội dung số từ cơ bản đến nâng cao cho toàn thể đội ngũ và học sinh.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của xã, của huyện đáp ứng được yêu cầu về quản lý cơ sở dữ liệu và kết nối, chia sẻ với các hệ thống dữ liệu khác của xã, của huyện và trên toàn quốc. Hệ thống khi xây dựng, triển khai phải đáp ứng được các yêu cầu về cấu trúc dữ liệu, an toàn an ninh thông tin, các yêu cầu về kết nối liên thông dữ liệu (nhất là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đào tạo) và phù hợp với kiến trúc chính quyền điện tử của xã, của huyện.

- Triển khai hệ thống hồ sơ công việc thống nhất trong nhà trường theo chỉ đạo của UBND xã, của huyện 100% văn bản ban hành trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) sử dụng chữ ký số chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

- Triển khai đồng bộ các hệ thống phần mềm trong hệ sinh thái giáo dục như: hệ thống phần mềm quản lý nhà trường, quản lý tuyển sinh đầu cấp, quản lý các kỳ thi, quản lý đề thi, hỗ trợ dạy học, kiểm tra đánh giá, kế toán, tài sản, kho học liệu số, giáo án điện tử, thư viện điện tử, hỗ trợ kiểm định,... phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế tại nhà trường và đảm bảo các tiêu chí trong các Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với Sở GDĐT, phòng GDĐT xây dựng. Sử dụng đồng bộ hồ sơ sổ sách điện tử, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong tất cả các giao dịch điện tử.

2.3. Giải pháp

- Rà soát để kiện toàn Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ gắn với trách nhiệm cụ thể cho các thành viên trong từng khâu, từng nội dung được giao. Hoàn thiện đầy đủ môi trường pháp lý để quá trình triển khai thực hiện đảm bảo thống nhất, hiệu quả, tiết kiệm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng kỹ năng số cho cán bộ, viên chức, người dân khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng hiệu quả các hệ thống dịch vụ của ngành.

- Triển khai đồng bộ, tổng thể các hệ thống công nghệ thông tin trong nhà trường đảm bảo kiến trúc chính quyền điện tử của xã, của huyện và đáp ứng được các yêu cầu về kết nối liên thông, về an toàn an ninh thông tin...

- Huy động các nguồn lực, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành. Tạo điều kiện, hỗ trợ người dân giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số,...

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, chuyển giao các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số. Tranh thủ các nguồn lực, xã hội hóa để đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cơ sở vật chất, các ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp...

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp xã

3.1. Mục tiêu

- Các chỉ số “Tỷ lệ đồng ý Giáo dục phổ thông tại xã có chất lượng tốt”.

- Chỉ số “Tỷ lệ đồng ý giáo dục phổ thông tại xã có chất lượng tốt” đạt 75%.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước về giáo dục và đào tạo

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, xây dựng khối đoàn kết trong nhà trường; thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy định về lối sống, đạo đức đối với người lao động, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

b) Duy trì ổn định tỷ lệ huy động dân số trong độ tuổi đến trường

Tích cực, chủ động thực hiện và tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong và ngoài tỉnh, ngoài huyện tuyên truyền, vận động tối đa dân số trong độ tuổi đến trường, duy trì sĩ số học sinh, không để học sinh bỏ học giữa chừng lao động sớm, giảm thiểu thấp nhất số học sinh đi học không chuyên cần.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả huy động dân số độ tuổi đến trường; cử giáo viên, học sinh có khả năng tuyên truyền, vận động,... đến các

thôn, bản, các hộ dân có con, em trong độ tuổi đến trường để tuyên truyền với học sinh, phụ huynh cha mẹ học sinh về vai trò và tầm quan trọng của việc học tập.

c) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục dạy và học, nhất là giáo dục vùng đặc biệt khó khăn. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo đúng tiến độ, có chất lượng, đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế nhà trường.

Tập trung thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo Kế hoạch số 1584/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh và Công văn số 2376/UBND-KGVX ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 1584/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh. Tăng cường các giải pháp huy động tối đa dân số trong độ tuổi ra lớp, giảm thiểu học sinh bỏ học, học sinh đi học không chuyên cần. Nâng cao hiệu quả hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng trong xã. Tích cực đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo Kế hoạch 3234/KH-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia theo Kế hoạch số 830/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh. Tăng cường ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, quản lý giáo dục, hỗ trợ công tác dạy và học theo Kế hoạch số 832/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh.

Nâng cao chất lượng các cụm chuyên môn, cụm trường liên cấp tiểu học, (trường THCS làm cụm trường các trường tiểu học vùng tuyển sinh). Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, đội ngũ nòng cốt là giáo viên cốt cán cấp tỉnh, cấp huyện, từng bước nâng cao chất lượng dạy học, nhất là các môn có chất lượng còn thấp. Thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá, khảo sát, phân loại học lực của học sinh, lập kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng; phụ đạo, bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh có học lực yếu kém và học sinh đi học không chuyên cần.

Tổ chức phát hiện, lựa chọn, bồi dưỡng học sinh năng khiếu để tạo nguồn cho đội tuyển học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện; triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh trường trung học phổ thông chuyên và mức thưởng, mức chi bồi dưỡng đối với giáo viên, cán bộ quản lý, chuyên gia, học sinh tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn xã.

d) Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh.

Thực hiện đổi mới và đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, chỉ đạo trong nhà trường, công tác bố trí sử dụng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh tại nhà trường. Tích cực ngăn ngừa, đẩy lùi các tệ nạn xã hội thâm nhập vào trường học và xây dựng môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh.

đ) Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Huy động lòng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị trường học từ các Chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học trong kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục. Tích cực, chủ động tìm kiếm, kêu gọi các nhà tài trợ, các nhà hảo tâm, các tổ chức hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học. Bố trí, sắp xếp, sử dụng hợp lý, hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; tăng cường quản lý tài sản công, xây dựng và tôn tạo cảnh quan môi trường trong trường học.

4. Nâng cao năng lực cạnh tranh của nhà trường

4.1. Mục tiêu

Duy trì và nâng cao điểm số của các chỉ số thành phần đã được xếp loại ở mức Khá và Tốt. Tập trung thay đổi điểm số của các chỉ số ở mức Chưa tốt đạt mức Trung bình trở lên, phấn đấu cao hơn mức điểm số trung bình của xã.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Nâng cao kết quả chỉ số Chi phí thời gian

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện TTHC đảm bảo đúng hoặc nhanh hơn thời gian quy định của từng TTHC, hạn chế tối đa tình trạng cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp xếp hàng chờ đợi giải quyết TTHC. Giảm thiểu tình trạng tổ chức, cá nhân phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ sau khi đã nộp hồ sơ đề nghị thực hiện TTHC. Xây dựng hình ảnh viên chức ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực khi tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn thực hiện TTHC. Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban ngành để giải quyết các khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp. Hạn chế thực hiện kiểm tra, giám sát người dân khi không cần thiết.

b) Nâng cao kết quả chỉ số Chi phí không chính thức

Đẩy mạnh triển khai việc phòng, chống tham nhũng; xây dựng cơ chế rõ ràng trong giám sát và xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm; ngăn ngừa hiện tượng viên chức, người lao động nhũng nhiễu phụ huynh học sinh.

Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện các thủ tục hành chính theo đúng quy trình, quy định; có biện pháp xử lý đối với các bộ phận, cá nhân vi phạm trong

việc cố tình trì hoãn các thủ tục hành chính, yêu cầu người dân thực hiện các nội dung không có trong quy định.

c) Nâng cao kết quả chỉ số Tính năng động và hiệu lực

Tích cực thực hiện các nhiệm vụ giải pháp của UBND xã để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh chung của xã. Chủ động nắm bắt, xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tích cực tham mưu UBND xã cho chủ trương, giải pháp hỗ trợ người dân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

d) Nâng cao kết quả chỉ số Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực thi chính sách, văn bản pháp luật

Kịp thời tham mưu HĐND, UBND xã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính khả thi, kịp thời so với nhu cầu thực tiễn và công khai thông tin về các văn bản mới ban hành đầy đủ, kịp thời. Chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương để kiến nghị với cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật nghiêm minh, đúng quy định, quy trình, nhất quán giữa các nhóm đối tượng. Xử lý nghiêm minh các hành vi trái pháp luật của viên chức, người lao động theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức triển khai của nhà trường.

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, viên chức, người lao động, nhất là các cá nhân trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính, tham gia tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ phụ huynh về việc thực thi các quy định của pháp luật liên quan.

đ) Nâng cao kết quả chỉ số Vai trò của người đứng đầu

Chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan. Khuyến khích xây dựng văn hóa ứng xử của viên chức và người lao động theo hướng phục vụ người dân. Chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Định kỳ tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu cơ quan với người dân và các doanh nghiệp để lắng nghe, tiếp thu các ý kiến, phản ánh, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chính sách, pháp luật trên địa bàn.

Quan tâm đến việc giải quyết các khiếu nại của người dân; coi trọng việc công tác kiểm tra theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại của người dân theo từng vụ việc cụ thể.

Tiếp tục đề cao, phát huy tính tiên phong, gương mẫu, phương pháp quản lý, điều hành phù hợp, phát huy được năng lực, kinh nghiệm, tính sáng tạo của từng vị trí làm việc trong đơn vị. Tạo điều kiện để cấp dưới hoàn thành tốt nhiệm vụ được

giao. Công tâm, khách quan trong sử dụng, đánh giá cán bộ thuộc quyền quản lý; chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách TTHC...

e) Nâng cao kết quả chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Tích cực chia sẻ thông tin, hướng dẫn, tạo điều kiện cho người dân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định đảm bảo công bằng, không phân biệt quy mô, doanh thu hay giá trị mà người dân đã ủng hộ, tài trợ cho ngành Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức phổ biến, hướng dẫn người dân, tổ chức khi có thay đổi về chính sách của huyện, của xã đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Công khai các thông tin liên quan đến quy hoạch, dự án đầu tư công, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước một cách thường xuyên bằng các hình thức dễ tiếp cận cho người dân.

f) Nâng cao kết quả chỉ số Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Tăng cường các hoạt động truyền thông trên Trang thông tin điện tử, fanpage của nhà trường: công khai các dịch vụ công trực tuyến trên website; rà soát, tăng cường cung cấp dịch vụ công trên website, đặc biệt là dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định và phù hợp với thực tế;

Duy trì, cập nhật thường xuyên các văn bản hành chính và cơ chế chính sách mới ban hành, thông tin về các dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công, ... trên Trang Thông tin điện tử của nhà trường.

Rà soát, chủ động mua sắm, nâng cấp, thay thế các thiết bị, phần mềm công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo quy định.

Cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Cổng thông tin điện tử nhà trường. Mở chuyên mục tiếp nhận, thông tin hai chiều giữa cơ quan và người dân. Kịp thời đăng tải công khai, minh bạch các văn bản chủ trương, chính sách, thủ tục hành chính và kết quả tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, khiếu nại của người dân.

g) Nâng cao kết quả chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Niên yết công khai TTHC và phí, lệ phí thực hiện; xây dựng quy trình thực hiện TTHC trực tuyến đơn giản, thuận tiện, giảm thời gian, chi phí thực hiện. Xây dựng chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến của người dân và cập nhật thường xuyên các thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách, quy hoạch, số liệu thống kê trên Trang thông tin điện tử của nhà trường. Cung cấp thông tin, văn bản khi người dân đề nghị theo đúng quy định của pháp luật.

Cập nhật kịp thời, chia sẻ các thông tin liên quan: quy hoạch, số liệu thống kê, báo cáo, các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn, chỉ đạo của phòng Giáo dục và Đào tạo, các thông tin liên quan ... trên Trang thông tin điện tử của nhà trường,

đặc biệt là các quy định, thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện các thủ tục.

Tăng cường công tác truyền thông đến người dân về các thông tin, văn bản chỉ đạo điều hành, các chính sách mới liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Sẵn sàng cung cấp những thông tin, văn bản (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website) nếu người dân đề nghị theo quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của nhà trường; thực hiện công bố thông tin người phát ngôn, người được uỷ quyền phát ngôn theo quy định.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp có thẩm quyền giao cho nhà trường theo phân cấp quản lý hiện hành.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu, các đoàn thể, tổ chuyên môn

a) Căn cứ vào Kế hoạch này và các Kế hoạch về CCHC Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06 của UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2022-2030 của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi.

b) Cụ thể hóa chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06 hàng năm của nhà trường; bố trí kinh phí đảm bảo tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch.

c) Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền, quán triệt công tác CCHC Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06 gắn với chủ đề công tác từng năm; lồng ghép công tác tuyên truyền các nội dung CCHC vào công tác chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời về tình hình, các nội dung và kết quả thực hiện công tác CCHC Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06 của huyện, của ngành trên các phương tiện truyền thông như: Báo Điện Biên Phủ, Đài Phát thanh - Truyền hình huyện, Báo Điện Biên Phủ điện tử, Cổng thông tin điện tử huyện, Đài phát thanh - truyền hình cấp huyện và Trang thông tin điện tử của nhà trường. Đồng thời, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định liên quan đến CCHC Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06; chú trọng thông tin

tuyên truyền tiện ích việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần.

d) Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của huyện, ngành giao đảm bảo mục tiêu, nội dung, tiến độ, chất lượng và thực hiện báo cáo tiến độ, kết quả theo yêu cầu. Thường xuyên rà soát, cập nhật, công khai và hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính, các văn bản quy định về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của nhà trường.

đ) Theo dõi, cập nhật thường xuyên, tổng hợp và công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết quả tiếp nhận, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức tại trụ sở cơ quan, Trang thông tin điện tử của nhà trường theo quy định.

e) Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Tiếp tục tham gia tổ chức lấy ý kiến người dân về chất lượng dịch vụ giáo dục công.

f) Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính theo hình thức đột xuất, không báo trước, trong đó chú trọng kiểm tra những nội dung liên quan các nhiệm vụ cấp trên giao, việc khắc phục những vấn đề tồn tại, hạn chế từ những đợt kiểm tra trước, việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực bức xúc dân sinh.

2. Thường trực ban chỉ đạo Chuyển đổi số và Đề án 06

a) Triển khai đầy đủ các Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với nhà trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng.

b) Phân công Lãnh đạo phụ trách công tác chuyển đổi số và Đề án 06 tại nhà trường và cán bộ có trình độ, kỹ năng về CNTT làm đầu mối để tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại nhà trường đảm bảo hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

c) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kết quả đạt được để từ đó kịp thời đưa các giải pháp nhằm tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong quá trình thực hiện. Kết quả thực hiện chuyển đổi số và Đề án 06 được xem xét là một trong những tiêu chí để đánh giá kết quả thi đua cho các cá nhân, tập thể trong năm học.

Trên đây là Kế hoạch Cải cách hành chính Nhà nước, Nâng cao năng lực cạnh tranh, Chuyển đổi số và Đề án 06 của Trường PTDTBT TH Huổi Lèng, giai đoạn 2022-2030. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị CB, GV, CNV kịp thời phản ánh về nhà trường (qua bộ phận chuyên môn) để tham mưu, phối hợp giải quyết./

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Các bộ phận CM, các đoàn thể;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thanh Nghị